



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Hệ thống canh tác (204502-06)

CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11221005	TRẦN THỊ	AI	01/01/82	1	8	Tam	Thuk	
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG	ANH	01/11/92	1	7	Bay	hok	
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG	ANH	27/02/93	1	7,5	Bay, năm		
4	11221008	NGUYỄN VĂN	BẦY	28/11/68	1	7	Bay	Carz	
5	11221009	NGUYỄN VĂN	BỀN	14/04/68	1	7,5	Bay, năm		
6	11221010	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	01/01/89	1	6,5	Sau, năm		
7	11221011	ĐẶNG HÙNG	CƯỜNG	1/65					Vay
8	11221014	PHẠM XUÂN	DŨNG	26/10/79	1	7	Bay	Que	
9	11221015	HUỖNH NGUYỄN TRỌNG	DUY	30/10/81	1	7	Bay	ceyl	
10	11221013	BÙI TẤN	DƯƠNG	30/02/89	1	8	Tam	Junp	
11	11221012	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	17/04/83	1	8	Tam	Chd	
12	11221002	HUỖNH VĂN	ĐIỀN	13/09/75	1	8,5	Tam, năm		
13	11221003	ĐẶNG THANH	ĐIỀU	08/02/82	1	8,5	Tam, năm		
14	11221001	HUỖNH RẠNG	ĐÔNG	22/11/92					Vay
15	11221004	LÊ HỮU	ĐỨC	28/11/74	2	9	Chin	Phu	
16	11221016	NGUYỄN TÚ	EM	24/06/87	2	9	Chin	Ulin	
17	11221017	PHAN TRƯỜNG	GIANG	04/07/93	2	8	Tam	Phu	
18	11221020	MAI HỒNG	HẠNH	26/08/84	2	9	Chin	Phu	
19	11221021	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	19/05/86	2	8	Tam	Phu	
20	11221018	VÕ THỊ THANH	HẰNG	20/02/77	2	7	Bay	Vonh	-2
21	11221022	LÂM TRỌNG	HIẾU	21/05/91	1	5	Nam		-2
22	11221023	LÊ PHÚ	HUY	08/07/74	1	8	Tam	Phu	
23	11221024	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	11/03/84	1	7	Bay	Phu	
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	28/02/85					Vay
25	11221025	TRẦN NAM	KHA	08/05/92	1	8	Tam	Phu	
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10/11/82	1	8	Tam	Phu	
27	11221028	HUỖNH PHI	LONG	19/02/81					Vay
28	11221029	NGÔ HOÀNG	LONG	09/01/83	1	8	Tam	Phu	
29	11221027	HUỖNH THIẾU	LƯƠNG	16/12/92					Vay
30	11221030	HUỖNH HOÀNG	MINH	28/10/87	1	8	Tam	Phu	
31	11221032	NGUYỄN VĂN	NHÀN	01/01/73	1	6	Sau	Phu	
32	11221033	ĐÀO KIM	NHÀN	26/10/93					Vay

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Hệ thống canh tác (204502-06)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	01/10/81	1	5	Năm	nh	-2/
34	11221034	TRẦN THANH	NUÔI	1/87					V
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	15/12/81	1	6,5	Sau, năm	phong	
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	20/11/88	1	5	Năm	ph	-2
37	11221038	HUỖNH DIỄM	PHÚC	20/12/82	1	7,5	Bay, năm	hu	1
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	27/12/88					V
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	30/04/82	2	8,5	Tam, năm	ph	
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯỢNG	05/11/78	1	8,5	Tam, năm	lu	
41	11221041	HUỖNH THANH	SANG	18/08/90	1	8,5	Tam, năm	hu	
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	17/04/84					V
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	25/12/80	1	6	Sau	tr	
44	11221044	NGUYỄN NHẬT	SINH	20/12/87	2	5	Năm	nh	-4/
45	11221046	LÊ THÀNH	TẤN	1/93					V
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THANH	10/01/84					V
47	11221049	VÕ TRƯỜNG	THÀNH	26/02/83	1	9	Chim	th	
48	11221050	MAI VĂN	THẢO	26/03/79	1	7,5	Bay, năm	mai	
49	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	05/12/84	1	9	Chim	ph	
50	11221051	NGUYỄN VĂN	THẮNG	1/86	1	6,5	Sau, năm	ng	
51	11221053	HUỖNH MINH	THẮNG	1/85	1	6,5	Sau, năm	hu	
52	11221048	VÕ THÀNH	THUẬN	25/10/82	2	6,5	Sau, năm	vo	
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	15/07/83	1	8,5	Tam, năm	le	
54	11221055	HỒ VĂN	THƯỢT	08/08/79	1	7	Bay	ho	
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	06/06/86	1	6,5	Sau, năm	mai	
56	11221045	TRẦN BẢO	TỒN	01/10/84	2	8,5	Tam, năm	tr	
57	11221056	HUỖNH MINH	TÓI	07/09/80	1	5	Năm	hu	
58	11221061	VÕ THANH	TRAI	12/02/82	1	8	Tam	vo	
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRÂN	12/10/83	1	7,5	Bay, năm	ng	
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	1/82	1	7	Bay	tr	
61	11221063	VÕ MINH	TRÍ	05/07/89	1	8	Tam	vo	
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	01/04/92	1	8,5	Tam, năm	ph	
63	11221060	ÔN THANH	TRƯƠNG	1/74	2	7	Bay	on	
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẤN	1/85	1	7	Bay	do	
65	11221069	HUỖNH ANH	TUẤN	28/08/89	1	6,5	Sau, năm	hu	
66	11221065	HUỖNH VĂN	TUẤN	16/08/90	1	8	Tam	hu	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học **Hệ thống canh tác (204502-06)**
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
67	11221068	NGUYỄN THANH	TUẤN	19/05/84	2	7,5	Bảng điểm		
68	11221070	NGUYỄN VĂN	TUẤN	20/04/77	1	5	Nam		
69	11221067	VÕ ANH	TUẤN	11/08/77	1	8	Tanh		
70	11221057	LÊ MINH	TÙNG	17/11/78	2	8,5	Bảng điểm		
71	11221071	MAI THANH	TUYỀN	01/08/72	1	9,0	Chín		1
72	11221072	NGUYỄN ANH	VŨ	17/10/90	1	8,5	Bảng điểm		
73	11221073	NGUYỄN TẤN	VŨ	30/02/89					

In Ngày 17/07/15

61 bài
74 TB.

Ngày 22 Tháng 7 Năm 2015

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 17/07/15

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2015

Ph.D. Phạm Văn Hiến